

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HC-PT

Ngày: 08/3/2022

V/v: Khiếu kiện QĐHC về QLNN trong  
lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải  
quyết tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tấn

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao  
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:*** Ông Nguyễn Kim Đoạn, Kiểm sát viên  
cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm, thụ lý số 136/2021/TLPT-HC ngày 05/02/2021, về việc: “*Khiếu kiện QĐHC về QLNN trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai*”, giữa các bên đương sự:

***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967 (Có VB vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Trần Đức Ph, Đoàn LS Tp.HCM (Có mặt)

***Người bị kiện:*** Chủ tịch UBND huyện H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc H, Phó Chủ tịch UBND huyện H (Có VB xin vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Phan Văn Th, sinh năm 1947;

2/ Bà Phan Thị Ph1, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

4/ Ông Nguyễn Quyết Ch, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

5/ Anh Nguyễn Thái H1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: xóm 4, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6/ Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

7/ Chị Nguyễn Thị Thu Th1, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp 6 K, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

8/ Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2002;

Địa chỉ: xóm 1, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

9/ UBND xã Đ, huyện H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T2, Chủ tịch UBND xã Đ, huyện H.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ng là người khởi kiện trong vụ án hành chính.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Vào ngày 06/4/2018, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa bà với ông Phan Văn Th, thường trú tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, với nội dung không chấp nhận buộc ông Phan Văn Th trả lại 658,4m<sup>2</sup> đất (tọa lạc tại thôn Đaguri, xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận) cho bà. Bà không đồng ý với quyết định này, vì đất tranh chấp có nguồn gốc như sau:

Vào năm 1997, gia đình bà đến xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc sinh sống và có khai hoang diện tích đất 1.500m<sup>2</sup> (ngang 15m, dài 100m) tọa lạc tại thôn 3, xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc. Đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp thôn 3, xã La Dạ nay là rẫy của ông Nguyễn H2; Phía Tây giáp trục lộ đường về Tà Pao (nay là Quốc lộ 55); Phía Nam giáp nhà ông L và phía Bắc giáp nhà ông H3 là chồng bà Trần Thị Th2.

Sau khi khai hoang đất, bà đến Ủy ban nhân dân xã La Dạ cũ (năm 2002 tách thành 02 xã: La Dạ và Đa Mi) xin ông B'Rông Đ (nguyên Chủ tịch xã La Dạ cũ) cho phép lập vườn, xây dựng nhà ở, chờ chủ trương của nhà nước và bà đã làm nhà gỗ tạm để ở, còn một phần đất trống chiều ngang giáp mặt tiền Quốc lộ 55 là 05m, dài 08m thì vào năm 1999 bà cho ông Đoàn Ngọc T3 (công Nh2 công trình thủy điện) mượn dựng nhà gỗ tạm để ở.

Năm 2000, ông T3 bán lại căn nhà với giá 02 triệu đồng nhưng bà không mua, mà bà Trần Thị Th2 (mẹ bà Nguyễn Thị Kim T) mua và sử dụng để ở.

Năm 2005, bà Th2 xây dựng nhà kiên cố thì bà có đơn gửi Ban điều hành thôn Đaguri giải quyết việc bà Th2 chiếm đất của bà, nhưng kết quả hòa giải không thành. Đối với căn nhà gỗ của bà, bà ở đến năm 2003 thì đi làm ăn xa, nhưng vẫn đi về để trông coi, đến năm 2004 thì không ở nữa mà chuyển sang ở tại tổ 5, thôn Đaguri. Năm 2005, căn nhà này sập và bà không sử dụng đất này cho đến nay.

Riêng phần đất phía sau nhà cho ông Đoàn Ngọc T3 mượn, bà có dựng 02 căn nhà gỗ (diện tích 60m<sup>2</sup>/01 căn), chia thành nhiều phòng nhỏ và cho một số hộ dân thuê ở đến năm 2002 thì chuyển đi nơi khác, cụ thể gồm: Ông Nguyễn Văn Kh (công dân thôn Đaguri, xã Đa Mi), ông Trần Anh Đ (xóm 2, thôn Đaguri, xã Đa Mi), Nguyễn H2, Nguyễn Thị H4 (không còn tại xã Đa Mi), Trương Thị Thanh Th3, Phạm Quang K (công dân thôn Đaguri, xã Đa Mi), Vũ Thị Nh1 (thôn Đa Mi, xã La Ngâu), Đinh Hoàng L1 (công dân thôn Đaguri), Nguyễn C (công dân Tp. Phan Thiết), Phan Xuân H5, Tạ Thị H6, Phạm Công A và Phạm Minh T4.

Ngoài ra, trong năm 2003, ông Nguyễn Văn T5 nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ đã ký xác nhận diện tích đất tranh chấp hiện nay thuộc thửa đất số 77, 78 là đất của gia đình bà, để bà lập thủ tục vay tín chấp tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hàm Thuận Bắc.

Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa bà với ông Phan Văn Th, thường trú thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*Theo Văn bản của phía người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận trình bày:*

Ngày 03/7/2017, bà Nguyễn Thị Ng có đơn kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết buộc ông Phan Văn Th (thường trú tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh lâm Đồng) trả lại diện tích 900m<sup>2</sup> đất (15m x 60m) tại thôn Đaguri, xã Đa Mi. Tuy nhiên, sau khi có kết quả kiểm tra, đo đạc hiện trạng đất tranh chấp, qua các buổi hòa giải thì bà Nguyễn Thị Ng thay đổi diện tích đất tranh chấp, chỉ yêu cầu giải quyết buộc ông Phan Văn Th trả lại diện tích 600m<sup>2</sup> đất (10m x 60m), được đo đạc hiện trạng là 658,4m<sup>2</sup>.

Để chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, bà Ng đã cung cấp các loại giấy tờ sau: Giấy đăng ký đất ở và xin xây dựng nhà ở đề ngày 20/12/1998, do ông B'Rông Đ, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã La Dạ (cũ) ký, đóng dấu; Đơn

xin xác nhận đất đề ngày 17/12/2003 do ông Nguyễn Văn T5, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ký, đóng dấu; Đơn xác nhận về nhà đất của các hộ dân; Sổ hộ khẩu; Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn đề ngày 29/10/2003 và Tờ trình số 07/NHNo-HTB-TD đề ngày 23/3/2015 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hàm Thuận Bắc.

Qua kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin và đánh giá chứng cứ, Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 06/4/2018, về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa bà Ng với ông Phan Văn Th, với nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà Ng, vì:

1/ Diện tích 658,4m<sup>2</sup> đất tranh chấp tại tổ 1, thôn Đaguri, xã Đa Mi hiện nay do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý theo Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 04/6/2008 của UBND tỉnh Bình Thuận.

2/ Các loại giấy tờ bà Ng cung cấp chứng minh quyền sử dụng đất không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013, cụ thể:

Giấy đăng ký đất ở và xin xây dựng nhà ở đề ngày 20/12/1998 không có sơ đồ thể hiện vị trí đất tranh chấp và việc ông B'Rông Đ (nguyên Chủ tịch xã La Dạ) ký, đóng dấu xác nhận đồng ý cho phép làm nhà tạm, không phải giao đất cho bà Nguyễn Thị Ng. Đồng thời, việc ông B'Rông Đ cho phép bà Nguyễn Thị Ng dựng nhà ở trên đất được giao cho Ban quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi quản lý (Theo Quyết định số 189/TTg ngày 29/3/1997 của Thủ tướng Chính phủ) là không đúng thẩm quyền và không đúng quy định.

Đơn xin xác nhận đất đề ngày 17/12/2003 do ông Nguyễn Văn T5 - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ký, đóng dấu xác nhận đất bà Nguyễn Thị Ng thuộc thửa đất số 77, 78, tờ bản đồ số 01 là chưa bảo đảm tính pháp lý, vì bản đồ đo đạc năm 2003 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn đề ngày 29/10/2003 và Tờ trình số 07/NHNo-HTB-TD đề ngày 23/3/2015 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hàm Thuận Bắc không thể hiện vị trí, diện tích đất tranh chấp hiện nay.

3/ Từ năm 2003 đến nay, bà Nguyễn Thị Ng không sử dụng đất và hiện nay không còn tài sản gì trên đất nên không đủ cơ sở xác định việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Phan Văn Th của Chủ tịch UBND huyện H tại Quyết định

số 1668/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 là đúng quy định, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

*Theo Văn bản của phía người bị kiện UBND xã Đ, huyện H trình bày: Thống nhất với trình bày của Chủ tịch UBND huyện H.*

*Theo Văn bản của phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th, bà Phan Thị Ph1 trình bày:*

Diện tích đất tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Kim T vào ngày 05/10/2006 bằng giấy viết tay, với giá chuyển nhượng là 172.000.000đồng. Lúc chuyển nhượng, trên đất có một căn nhà cấp 4 có diện tích 30m<sup>2</sup> (5m x 6m). Do ông chưa giao đủ tiền chuyển nhượng đất nên bà T tiếp tục sử dụng căn nhà này. Năm 2011, ông Trần Quốc Nh2 (là con rể của ông) đến tháo dỡ nhà này để xây dựng nhà kiên cố để ở và bị Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản và ra Quyết định xử phạt số 61/QĐ-XPHC ngày 02/6/2011.

Nhà, đất nói trên thực chất là của vợ chồng ông bỏ tiền ra mua và xây dựng, ban đầu ông định cho vợ chồng ông Trần Quốc Nh2 nên mới để ông Nh2 đứng tên trên giấy viết tay nhận chuyển nhượng nhà, đất. Nay ông xác định nhà, đất này là của vợ chồng ông, việc này vợ chồng ông Trần Quốc Nh2 cũng đã có văn bản xác nhận gửi cho Tòa án. Vì vậy, nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

*Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp này là của cha mẹ bà (ông Nguyễn Hồng H3, bà Nguyễn Thị Th2) khai hoang năm 1998. Năm 1999, ông Đoàn Ngọc T3 đến mượn 06m đất mặt tiền giáp quốc lộ 55 để dựng nhà tạm ở. Năm 2001, ông T3 trả lại đất và bán nhà trên đất cho bà Th2 với giá 2.000.000đồng và 03m đất (tiếp giáp với đất ông T3 mượn trước đó) ông T3 mua của ông Sáu Q với giá 300.000đồng để làm đường đi ra phần đất phía sau nhà ông T3. Sau khi mua nhà của ông T3, cha mẹ bà cho bà sử dụng nhà để ở, phần đất còn lại phía sau nhà, bà trồng chuối, điều để giữ đất nhưng cây chết hết vì đất trũng sâu. Năm 2006, bà bán nhà, đất cho gia đình ông Phan Văn Th, hai bên có làm giấy viết tay, với chiều ngang mặt tiền giáp quốc lộ 55 là 10m (trong đó có 06m đất nhà ông T3 trước đây, 02m đất đường đi nhà ông Sáu Q và 02m đất còn lại thuộc đất của cha mẹ bà) và chiều ngang giáp suối cạn là 10m. Do đất này của gia đình bà nên vào năm 2010, Nhà nước nâng cấp, cải tạo đường quốc lộ 55 mới ban hành quyết định thu hồi đất và đền bù đất cho gia đình bà theo các Quyết định số 2001/Q-UBND và số 2003/Q-UBND cùng ngày 21/6/2010. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

*Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm Nh, bà Nguyễn Thị Thu Th1, bà Nguyễn Thị Thùy T1 do bà Nguyễn Thị Ng đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Ng.*

*Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 12/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, đã tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa bà với ông Phan Văn Th.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2020 bà Nguyễn Thị Ng làm đơn kháng cáo, nêu lý do:*

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía khởi kiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Phía người khởi kiện có Luật sư Trần Đức Ph cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai quy định pháp luật cụ thể là Luật đất đai năm 2003 tại thời điểm phát sinh tranh chấp, thì Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng vào Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/NĐ-CP là chưa phù hợp.

Đây là quan hệ giải quyết tranh chấp về đất đai không phải là giải quyết tranh chấp liên quan đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã đi xem xét về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối với yêu cầu của đương sự.

Thực tế bà Ng đã sử dụng đất đến năm 2003 mà theo Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là không sử dụng đất từ năm 2003 là sai với thực tế, vì thực tế bà Ng sử dụng và có cất nhà ở trên đất đó và theo bà Ng thì bà không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đối với các điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng là chưa phù hợp.

Có nhiều người có liên quan biết sự việc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đưa vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, hiện nay theo hồ sơ thể hiện thì chưa có quyết định thu hồi và cũng chưa được bồi thường hỗ trợ theo quy định pháp luật, bà Ng là người sử dụng đất khai hoang theo quy định của luật đất đai tại thời điểm

năm 2003 đến nay thì bà phải được công nhận, do đó yêu cầu của bà về việc tranh chấp đất đai với ông Th là có cơ sở để chấp nhận.

Chủ tịch UBND huyện H đã bác yêu cầu của bà Ng về việc tranh chấp đất đai là chưa phù hợp và gây thiệt thòi quyền lợi cho bà. Luật sư đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Ng, hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện H.

Phía người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục kháng cáo:*

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

*[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện thì vụ án có quan hệ tranh chấp: “*Khiếu kiện QĐHC về QLNN trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai*”.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 28, Điều 115 Luật tổ tụng Hành chính; Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại các Điều 31, 32 Luật tổ tụng Hành chính.

*[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

Nguồn gốc đất mà bà Ng tranh chấp với ông Th là đất đã quy hoạch xây dựng nhà máy thủy điện Hàm Thuận Đa Mi.

Theo Quyết định 189 ngày 29/3/1997 của Thủ Tướng Chính phủ thì đất trên đã có quyết định thu hồi đã giao cho ban quản lý dự án thủy điện.

Tại thời điểm ông Nguyễn Quyết Ch là chồng của bà Ng đăng ký đất ở và xây dựng nhà ở thì phía bà Ng cũng đã biết nằm trong quy hoạch để xây dựng nhà máy thủy điện, vì vậy đơn xin đăng ký đất và đơn xin xây dựng nhà ở được ghi vào ngày 18/10/1998 của vợ chồng bà Ng cũng có nêu rõ là nguồn gốc thuộc khu khai hoang của công trình thủy điện Hàm Thuận Đa Mi.

Thời điểm này là đất trống, đồi núi, người dân tự tu bổ để làm nơi ở, mua bán nông sản theo thời vụ và cũng có làm vườn trong khi chờ chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi giải phóng mặt bằng, do đó UBND xã Đ đã xác nhận cho ông Ch bà Ng làm nhà là làm nhà tạm, vì vậy việc xác nhận nêu trên không phải là việc giao đất theo quy định của luật đất đai.

Ngày 04/6/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã thu hồi đối với toàn bộ phần diện tích nêu trên theo dự án đã quy hoạch, sau đó giao lại cho UBND xã Đ quản lý cho đến nay.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Ng đưa ra một số tài liệu chứng minh như: Giấy đăng ký đất ở, xin xây dựng nhà ở đề ngày 20/12/1998; Đơn xin xác nhận đất vào ngày 17/12/2003 và Đơn đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 29/10/2003, Tờ trình số 07 ngày 23/3/2015 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hàm Thuận Bắc.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đối với các tài liệu chứng cứ nêu trên và xác định, đất nêu trên đã được giao cho Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Hàm Thuận Đa Mi sử dụng xây dựng công trình thủy điện. Những giấy tờ mà bà cung cấp là chỉ đơn xin phép chính quyền địa phương làm nhà tạm để ở và Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận với nội dung là đồng ý cho làm nhà tạm chứ không phải cấp đất hay giao đất bà trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp.

Tại cấp phúc thẩm, phía bà Ng kháng cáo nhưng cũng không đưa ra những tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có cơ sở chấp nhận.

*[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:* Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo chịu án phí HCPT theo luật định.

*[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**



Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 28, 32, 115 Luật tổ tụng hành chính 2015; Áp dụng các Luật Đất đai năm 2003, 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Áp dụng Nghị quyết về Lệ phí, án phí tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H , về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa bà với ông Phan Văn Th.

2/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số AA/2013/0008924 ngày 26/10/2020 của Cục Thi hành án tỉnh Bình Thuận, như vậy bà Ng đã nộp xong án phí HCPT.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ HOÀNG TẤN**